

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

-----o0o-----

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5700378910 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 13 tháng 05 năm 2010, thay đổi lần thứ 01 ngày 26 tháng 05 năm 2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định niêm yết số: do Sở GDCK Hà Nội
cấp ngày ... tháng ... năm)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1 – xã Lê Lợi – huyện Hoành Bồ - tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 033.3690144 Fax: 033.3692555

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: Nguyễn Tuân

Chức vụ: Kế toán trưởng

Địa chỉ: Thôn An Biên 1 – xã Lê Lợi – huyện Hoành Bồ - tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 033.3690144



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HUNG LONG

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 5.600.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	: 56.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT

Phòng 2407 Nhà 34T Khu Đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính,
đường Hoàng Đạo Thúy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 04.22210082 – Fax: 04.22410084

Website: <http://www.aat.com.vn>



MỤC LỤC

PHẦN I – CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN.....	4
1.1 Rủi ro về biến động kinh tế.....	4
1.2 Rủi ro đặc thù trong hoạt động kinh doanh.....	5
1.3 Rủi ro về Pháp luật.....	6
1.4 Rủi ro khác.....	6
PHẦN II - NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
PHẦN III - CÁC KHÁI NIỆM.....	8
4.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.....	10
4.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển.....	10
4.1.2 Giới thiệu về Công ty.....	12
4.2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	15
4.3. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 22/07/2011.....	19
4.5 Hoạt động kinh doanh.....	20
4.6 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	34
4.7 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	36
4.8 Chính sách đối với người lao động.....	38
4.9 Chính sách cổ tức.....	40
4.10 Tình hình hoạt động tài chính.....	40
4.11 Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	44
4.12 Tài sản.....	54
4.13 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm tiếp theo từ năm 2011 đến năm 2013.....	56
4.14 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết :....	60
Không có.....	60
4.15 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:.....	60
PHẦN V - CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	61
5. 1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	61
5. 2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	61
5. 3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 5.600.000 cổ phiếu.....	61
5. 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:.....	61
5.5. Giá trị sổ sách cổ phiếu.....	61
5.6. Phương pháp tính giá.....	62
5.7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	64
5.8. Các loại thuế có liên quan.....	65
TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	66
PHẦN VII – PHỤ LỤC.....	67



PHẦN I – CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

Các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán niêm yết của Công ty.

1.1 Rủi ro về biến động kinh tế

*** Tốc độ phát triển kinh tế và các ngành liên quan**

Theo Tổng cục Thống kê, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước năm 2009 chỉ tăng 6,88%. Đây là con số khả quan khi mà Chính phủ đặt mục tiêu kiềm chế lạm phát năm 2009 dưới 7%. Theo đánh giá của IMF năm 2009 Việt Nam đã có những chính sách, biện pháp kịp thời và linh hoạt để đối phó với lạm phát. Bước sang năm 2010, thị trường giá cả hàng hoá trong nước và thế giới còn diễn biến phức tạp khiến cho mục tiêu kiềm chế lạm phát trở nên khó khăn hơn, lạm phát cả năm 2010 tăng 11,75% so với tháng 12/2009, điểm đáng lưu ý là trong tỷ lệ lạm phát 11,75% năm 2010 của Việt Nam thì yếu tố tiền tệ đóng góp tới 4,65% và các yếu tố khác góp 7,10%. Vấn đề lạm phát trong năm 2011 là tương đối đáng lo ngại, tính đến hết tháng 9/2011, CPI đã tăng tới 16,63% so với tháng 12/2010 và tăng 22,42% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân chín tháng năm 2011 tăng 18,16% so với bình quân cùng kỳ năm 2010.

Cũng theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2009, GDP cả nước tăng xấp xỉ 5.32% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 696,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7.6% so với năm 2008, đây là mức tăng trưởng khá cao trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu. Bước sang năm 2010, nhìn chung kinh tế thế giới chưa thực sự thoát khỏi khủng hoảng và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi tác động đến kinh tế trong nước, tuy nhiên, thành tựu đạt được là khả quan với GDP năm 2010 tăng 6,78%, vượt kế hoạch năm. Năm 2011, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá khả quan với GDP chín tháng đầu năm 2011 ước tính tăng 5,76% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,39%, đóng góp 0,39 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,62%, đóng góp 2,76 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,24%, đóng góp 2,61 điểm phần trăm.

Thực trạng của nền kinh tế và xu hướng chung trong tương lai có ảnh hưởng đến sự thành công và chiến lược kinh doanh của một doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn có tốc độ tăng trưởng cao thì nó sẽ tạo nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh; Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp. Do đó, Việt Nam cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế, sự hội nhập ngày càng sâu và rộng vào nền kinh tế thế giới... thì nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà cửa, công trình càng lớn, kéo theo nhu cầu về vật liệu xây dựng như gạch, ngói, xi măng,



thạch cao, cấu kiện bê tông cũng ngày càng tăng. Đây là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành xây dựng nói chung và các công ty sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng.

Là Công ty chuyên sản xuất gạch, ngói xây dựng nên hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long chịu ảnh hưởng rất lớn bởi tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát và các yếu tố vĩ mô khác của nền kinh tế. Các nhân tố này phát triển tích cực thì hoạt động của Công ty mới khả quan và ngược lại.

*** Rủi ro biến động giá chứng khoán**

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn từ biến động chung của thị trường chứng khoán, biến động trên các thị trường liên quan như vàng, ngoại tệ, chịu ảnh hưởng từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan quản lý có liên quan như Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch... Do vậy, cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có khả năng biến động lớn, từ đó có thể ảnh hưởng đến các kế hoạch huy động vốn và làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.2 Rủi ro đặc thù trong hoạt động kinh doanh

*** Rủi ro về nguồn nguyên liệu**

Nguyên liệu chính trong các sản phẩm của Công ty là đất sét dùng trong sản xuất gạch, ngói xây dựng là tài nguyên Quốc gia do đó được quản lý rất chặt chẽ, vì vậy nguồn nguyên liệu cung cấp cho Công ty có phần hạn chế. Công ty có thể gặp phải những trở ngại như: các nguồn khai thác bị cạn kiệt, sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác trong việc xin phép khai thác các mỏ cát, chính sách điều tiết của nhà nước đối với hoạt động khai khoáng... Tuy nhiên, với chính sách khai thác hợp lý, luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật và luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ngân sách đối với nhà nước, Công ty đã tạo được uy tín và có lợi thế trong việc xin phép khai thác các mỏ đất sét trên địa bàn.

*** Rủi ro về cạnh tranh**

Tại thị trường địa phương và các vùng phụ cận, có nhiều doanh nghiệp cùng sản xuất và cung cấp sản phẩm cùng loại, đồng thời ngày càng có nhiều nhà đầu tư mới tham gia vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng nên Công ty sẽ đối mặt với nhiều sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường. Vì nhu cầu năm học đang kinh doanh phân phối vật liệu xây dựng trên thị trường tỉnh Quảng Ninh và khu vực các tỉnh lân cận, ngoài việc tạo dựng mối quan hệ thân thiết với khách hàng, Công ty có nhu cầu kinh nghiệm trong việc xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý, thích hợp với từng đối tượng khách hàng, nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

*** Rủi ro về an toàn lao động**



Do hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, Công ty có thể sẽ gặp phải một số rủi ro xảy ra trong quá trình làm việc như tai nạn lao động làm thiệt hại phương tiện và con người. Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm cho phương tiện và người lao động của mình.

1.3 Rủi ro về Pháp luật

Công ty hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các chính sách của Chính phủ liên quan đến phát triển ngành Xây dựng và Vật liệu xây dựng... Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến chiến lược phát triển và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hiện nay, hệ thống các văn bản pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nhằm tạo hành lang pháp lý đồng bộ nên liên tục có những thay đổi. Công ty phải chủ động nghiên cứu nắm bắt sát sao các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp theo từng giai đoạn.

Là Doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

1.4 Rủi ro khác

Do tính chất hoạt động kinh doanh, Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như sự thay đổi chính sách về thuế, chính sách về khai thác tài nguyên, quy định khắt khe về tiêu chuẩn môi trường, các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, thay đổi lãi suất... Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như: các hiện tượng thiên tai... làm giảm nhu cầu về sản phẩm hay giảm sản lượng nguyên liệu đầu vào đáp ứng cho nhu cầu sản xuất của Công ty.



PHẦN II - NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Ông: Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Bà: Lê Thị Bích Thuận	Trưởng Ban kiểm soát
Ông: Nguyễn Tuấn	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này đã được tổng hợp, thu thập một cách hợp lý và phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long.



PHẦN III - CÁC KHÁI NIỆM

1/ “Công ty”: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700378910 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 13/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 26/05/2010; Công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Hung Long - Quảng Ninh, thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2202000103 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/10/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/01/2009.

2/ “Bản cáo bạch”: Bản công bố thông tin của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

3/ “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

4/ “Cổ phiếu”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.

5/ “Cổ đông”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

6/ “Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

7/ “Đại hội đồng cổ đông”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long.

8/ “Hội đồng quản trị”: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long.

9/ “Ban kiểm soát”: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long.

10/ “Ban Giám đốc”: Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long.

11/ “Vốn điều lệ”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.

12/ “Tổ chức niêm yết”: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long.

13/ “Tổ chức kiểm toán”: Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán Kế toán và Tư vấn thuế AAT



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HUNG LONG

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

KHL	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long.
HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long
BKS	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long
GD	Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long
BGD	Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long
CBCNV	Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
VSCH	Vốn chủ sở hữu
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Số CMND	Số chứng minh nhân dân
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội



PHẦN IV – TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

4.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long

4.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

*** Lịch sử hình thành:**

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long tiền thân là Công ty TNHH Hưng Long - Quảng Ninh, thành lập từ năm 2001, với các ngành nghề kinh doanh chủ yếu là Sản xuất gạch xây dựng và đất sét nung trên dây truyền lò Tuynel, sản xuất cấu kiện xây dựng bằng bê tông, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi.

Công ty TNHH Hưng Long – Quảng Ninh thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2202000103 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/10/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/01/2009.

Ngày 29/04/2010, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hưng Long – Quảng Ninh đã họp và thống nhất chuyển đổi mô hình hoạt động từ hình thức Công ty TNHH sang hình thức Công ty Cổ phần nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc huy động vốn phục vụ chiến lược phát triển dài hạn và tham gia hiệu quả vào thị trường chứng khoán. Bởi vậy, theo Quyết định Hội đồng thành viên số 54/2010/BB-HĐTV ngày 29/04/2010, Công ty TNHH Hưng Long - Quảng Ninh đã được chuyển đổi hình thức công ty TNHH thành hình thức Công ty Cổ phần.

Ngày 13/05/2010, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần lần đầu số 5700378910, trên cơ sở chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Hưng Long – Quảng Ninh.

Ngày 26/05/2010, Công ty thực hiện đăng ký thay đổi lần thứ 01, bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh như: khai thác quặng kim loại quý hiếm; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí; bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn tổng hợp, đồng thời, Công ty nâng mức vốn điều lệ đăng ký từ 7.550.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng.



*** Quá trình tăng vốn:**

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 13/05/2010 là 7.550.000.000 đồng.

Ngày 23/05/2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long họp và ra Nghị quyết số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty từ 7,55 tỷ đồng lên 95 tỷ đồng, với các phương án cụ thể như sau:

a. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

- Thực hiện phát hành 1.700.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tổng mệnh giá phát hành 17.000.000.000 đồng để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho cổ đông hiện hữu.
- Vốn điều lệ của Công ty sau khi chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 24.550.000.000 đồng.
- Số lượng cổ đông: 4 cổ đông

b. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

- Tỷ lệ phát hành 1:1,281 (cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phần thì được 01 quyền, với 01 quyền mua sẽ được mua 1,281 cổ phần mới).
- Số lượng phát hành: 3.145.000 cổ phiếu.
- Giá cổ phiếu phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu phát hành: 31.450.000.000 đồng.
- Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày 24/04/2010 đến ngày 24/05/2011.
- Vốn điều lệ của Công ty sau khi phát hành là 56.000.000.000 đồng.
- Số lượng cổ đông: 4 cổ đông.

c. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược:

- Số lượng phát hành: 3.900.000 cổ phiếu.
- Giá cổ phiếu phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu phát hành: 39.000.000.000 đồng.
- Đối tượng phát hành: phát hành cho đối tác chiến lược.
- Vốn điều lệ của Công ty sau khi phát hành là 95.000.000.000 đồng.

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ nói trên, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long đã tiến hành phát hành cổ phiếu như sau:

- Công ty đã phát hành 1.700.000 cổ phiếu trả cổ tức.
- Công ty đã phát hành 3.145.000 cổ phiếu cho 04 cổ đông hiện hữu, nâng vốn thực góp của công ty lên 56.000.000.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

- Do diễn biến thị trường chứng khoán năm 2010 gặp nhiều khó khăn và chưa tìm được đối tác chiến lược phù hợp cho nên Công ty chưa thực hiện việc phát hành 3.900.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược.

Ngày 10/03/2011, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã tiến hành họp thường niên năm 2011 thông qua vốn điều lệ thực góp của công ty là 56.000.000.000 đồng.

4.1.2 Giới thiệu về Công ty

- Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG**
- Trụ sở chính : Thôn An Biên 1 – xã Lê Lợi – huyện Hoà Bình - tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại : 033.3690144
- Fax : 033.3692555
- Website : www.gomhunglong.com
- Biểu tượng của Công ty :



- Vốn điều lệ đăng ký : 95.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 56.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5700378910 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 13/05/2010, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 26/05/2010.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Vận tải hành khách đường sắt.
- Vận tải hàng hóa đường sắt.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).



- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- Bán buôn tổng hợp.

Các sản phẩm truyền thống của Công ty:

- Sản xuất gạch xây dựng và đất sét nung trên dây truyền lò Tuynel;
- Sản xuất cấu kiện xây dựng bằng bê tông;
- Bán buôn, bán lẻ hàng hoá;
- Tư vấn và môi giới đầu tư;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi (quy mô vừa và nhỏ);
- Kinh doanh vận tải đường thuỷ, đường bộ.

Một số hình ảnh của Công ty



(Khu nhà máy sản xuất gạch, ngói nung)



(Khu mỏ đất sét)

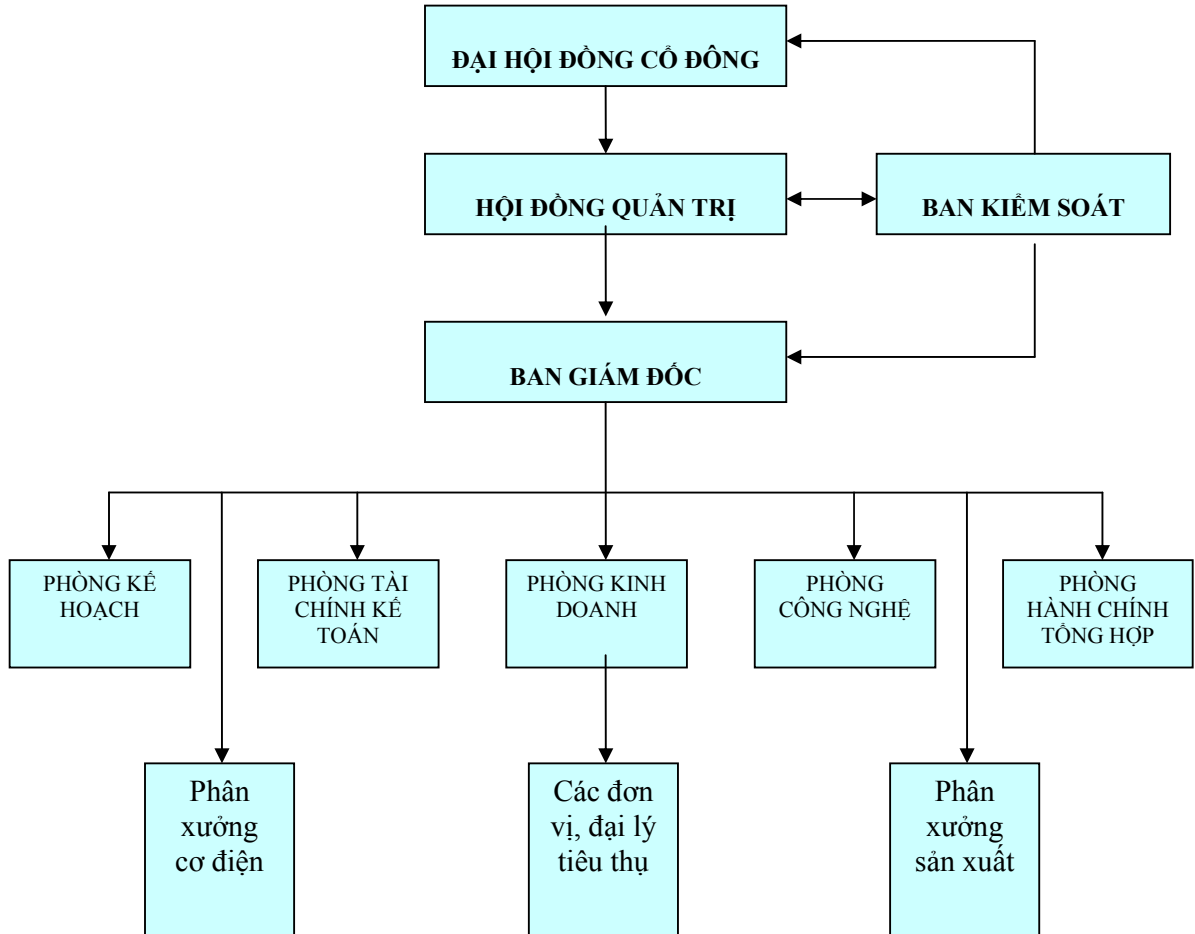


(Hoạt động sản xuất gạch ngói trong nhà máy)



4.2. Cơ cấu tổ chức Công ty

4.2.1 Sơ đồ:



4.2.2 Diễn giải sơ đồ

Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.



Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.



- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Chức năng các phòng ban

Phòng Kế hoạch:

Phòng Kế hoạch có các nhiệm vụ: Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt

Phòng Tài chính kế toán

Phòng Tài chính kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Giám đốc.

Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Lập phương án, soạn thảo quy chế, quy định việc tiêu thụ sản phẩm.
- Nghiên cứu, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, tổ chức mạng lưới, thông tin quảng cáo tiếp thị và hỗ trợ xúc tiến phát triển sản phẩm.
- Tổ chức, quản lý mạng lưới các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm, báo cáo tình hình tổ chức thông tin quảng cáo tiếp thị, xúc tiến sản phẩm, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, báo cáo tình hình tiêu thụ.



Phòng Công nghệ

Phòng Công nghệ có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Quản lý công nghệ, kỹ thuật sản xuất gạch ngói, đất sét nung.
- Quản lý công tác an toàn lao động.
- Quản lý chất lượng và công tác nhập nguyên nhiên vật liệu, vật tư đầu vào.
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác kế hoạch sản xuất, công nghệ, kỹ thuật và đầu tư xây dựng theo các kế hoạch chiến lược chung.
- Đầu mối giải quyết các công việc có liên quan giữa các bộ phận sản xuất, kỹ thuật.
- Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, đề ra biện pháp nhằm thực hiện kế hoạch sản xuất.

Phòng Hành chính tổng hợp

Phòng Hành chính tổ chức có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.

Các phân xưởng trực thuộc

Phân xưởng cơ điện

Phân xưởng cơ điện có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Gia công, bảo dưỡng, sửa chữa lớn các loại máy móc thiết bị, hệ thống điện, nhà xưởng để tạo điều kiện cho các bộ phận sản xuất hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo kế hoạch.
- Thi công (cơ khí và xây dựng) các công trình bên ngoài theo sự phê duyệt của Giám đốc.

Phân xưởng sản xuất

Phân xưởng sản xuất có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Sản xuất sản phẩm theo kế hoạch được giao.
- Phối hợp với phân xưởng cơ điện thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị.



- Phối hợp với các phòng ban thực hiện công tác quản lý lao động, an toàn lao động, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, phát huy sáng kiến trong sản xuất để hạ giá thành sản phẩm.

Các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm

Các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm chịu sự quản lý trực tiếp của Phòng Kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ đầu mối phân phối sản phẩm và bán hàng trực tiếp cho khách hàng, đồng thời tham gia thực hiện các chiến lược quảng cáo tiếp thị và hỗ trợ xúc tiến phát triển sản phẩm.

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 22/07/2011

4.3.1 Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 22/07/2011

Bảng 1

	Phân loại	Tỷ lệ thực góp	Số cổ phần sở hữu	Số lượng cổ đông	Giá trị vốn góp (VNĐ)
I. Cổ đông trong nước	Cổ đông là cá nhân Cổ đông là tổ chức	100% -	5.600.000 -	112 -	56.000.000.000 -
II. Cổ đông nước ngoài	Cổ đông là cá nhân Cổ đông là tổ chức	- -	- -	- -	- -
III. Tổng Cộng (III=I+II)		100%	5.600.000	112	56.000.000.000

(Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long ngày 22/07/2011)

4.3.2 Cổ đông sáng lập

Công ty chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Hung Long – Quảng Ninh sang Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long và không có cổ đông sáng lập.

4.3.3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 22/07/2011

Bảng 3

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND	Số lượng CP Sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Mai Anh Tám	68 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	012661253	2.000.000	35,71%
Tổng Cộng				2.000.000	35,71%

(Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long ngày 22/07/2011)



4.4 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

Không có.

4.5 Hoạt động kinh doanh

4.5.1 Các sản phẩm, dịch vụ chính

Trong suốt thời gian hoạt động, trước và sau khi tiến hành cổ phần hóa, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long đã có chiến lược phát triển thích hợp với mỗi thời kỳ nhằm đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát triển ổn định, bền vững, từng bước mở rộng thị phần tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Các sản phẩm chính hiện nay Công ty đang sản xuất và tiêu thụ trên thị trường gồm có: các loại gạch xây, gạch chống nóng, gạch lát nền, ngói 22v/m², ngói hài, ngói bò...



Gạch ngói đất sét nung là sản phẩm truyền thống và chủ lực của Công ty trong nhiều năm qua, đã xây dựng được thương hiệu có tiếng trên thị trường, là địa chỉ tin cậy của các công trình xây dựng cao cấp. Với kinh nghiệm lâu năm, liên tục được cải tiến kỹ thuật, đặc biệt là ứng dụng giải pháp sấy – nung liên hợp, các sản phẩm gạch ngói đất sét nung của Công



ty như: Gạch nem tách (Floor Brick) kích thước 200x200x16 và 250x250x17; Gạch bậc hè (Vertical Staircase Brick) kích thước 300x100x15; Gạch lá dừa (Ladua Type) kích thước 210x210; Gạch mắt na (Matna Type) kích thước 210x210; Ngói hài (Ngoihai) kích thước 150x150... đạt chất lượng cao, màu sắc tự nhiên, chịu lực tốt và các tính chất vật lý bền vững được khách hàng ưa chuộng.

4.5.2 Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần

Bảng 4

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	%/Tổng doanh thu thuần	01/01/2010 - 12/05/2010	%/Tổng doanh thu thuần	13/05/2010 - 31/12/2010	%/Tổng doanh thu thuần	01/01/2011 - 30/09/2011	%/Tổng doanh thu thuần
1	- Gạch R60	9.425.254.986	51,71%	4.938.292.436	54,77%	6.678.530.592	50,48%	10.711.099.364	48,11%
2	- Ngói 22	3.332.716.200	18,28%	1.553.997.840	17,24%	3.800.055.842	28,72%	6.932.937.730	31,14%
3	- Gạch 6 lỗ	1.282.670.268	7,04%	674.737.626	7,48%	600.822.260	4,54%	910.588.160	4,09%
4	- Gạch thẻ	783.910.800	4,30%	444.052.920	4,93%	603.802.392	4,56%	1.202.243.537	5,40%
5	- Ngói hài	2.311.569.200	12,68%	680.517.000	7,55%	801.213.600	6,06%	1.391.485.575	6,25%
6	- Các sản phẩm khác	1.092.166.443	5,99%	724.454.077	8,04%	745.870.934	5,64%	1.115.414.837	5,01%
Tổng doanh thu thuần		18.228.287.897	100%	9.016.051.899	100%	13.230.295.620	100%	22.263.769.203	100%

(Nguồn: BCTCKT năm 2009, BCTCKT giai đoạn 1/1/2010-12/5/2010 của Công ty TNHH Hưng Long –Quảng Ninh, BCTCKT giai đoạn 13/5/2010-31/12/2010, BCTC 9 tháng đầu năm 2011 của CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.)

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 5

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	01/01/2010 - 12/05/2010		13/05/2010 - 31/12/2010		01/01/2011 - 30/09/2011		
			Giá trị	Lợi nhuận gộp/ Tổng doanh thu thuần	Giá trị	Lợi nhuận gộp/ Tổng doanh thu thuần	Giá trị	Lợi nhuận gộp/ Tổng doanh thu thuần	
1	- Gạch R60	2.149.574.687	11,79%	691.360.941	7,67%	1.736.417.954	13,12%	2.589.276.357	11,63%
2	- Ngói 22	1.499.722.290	8,23%	419.756.765	4,66%	1.710.025.129	12,93%	3.074.626.527	13,81%



3	- Gạch 6 lỗ	320.667.567	1,76%	101.210.644	1,12%	192.263.123	1,45%	374.031.323	1,68%
4	- Gạch thẻ	274.368.780	1,51%	79.929.526	0,89%	211.330.837	1,60%	376.257.700	1,69%
5	- Ngói hài	809.049.220	4,44%	136.103.400	1,51%	280.424.760	2,12%	443.049.007	1,99%
6	- Các sản phẩm khác	163.824.966	0,90%	108.668.112	1,21%	311.937.924	2,36%	400.446.783	1,80%
Tổng cộng		5.217.207.510	28,62%	1.537.029.387	17,05%	4.442.399.727	33,58%	7.257.687.697	32,60%

(Nguồn: BCTCKT năm 2009, BCTCKT giai đoạn 1/1/2010-12/5/2010 của Công ty TNHH Hưng Long –Quảng Ninh, BCTCKT giai đoạn 13/5/2010-31/12/2010, BCTC 9 tháng đầu năm 2011 của CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.)

4.5.3 Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

* Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào chủ yếu

Đất sét: là loại đất có đặc tính dẻo, mịn, giảm trọng lượng khi nung và phoi, sau khi nung đổi màu, đông cứng và kết dính. Đất sét trước khi đưa vào sản xuất được ủ bằng cách để tự nhiên ngoài trời 5 – 6 tháng làm cho đất tơi, mịn và kết dính cao hơn.

Than cám: dùng làm chất đốt khi nung sản phẩm bằng lò Tuynel và pha trong đất sét để làm tăng thêm nhiệt lượng nung đốt, từ đó sẽ tăng được sản lượng do tăng được tốc độ nung.

Chất phụ gia: bổ sung vào sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng vật lý của sản phẩm, chẳng hạn như keo chống thấm dùng để chống thấm trên bề mặt viên ngói để tăng thêm độ bền cho sản phẩm do không bị bám rêu mốc và thấm nước.

* Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

Theo Quyết định số 1673/QĐ-UB ngày 22/05/2002, Công ty TNHH Hưng Long – Quảng Ninh, nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long, đã được UBND tỉnh Quảng Ninh cho phép khai thác sét tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ để sản xuất gạch xây dựng, tổng diện tích khu vực khai thác là 19,7 ha. Các mỏ đất sét chính của Công ty cụ thể như sau:

A. Mỏ đất sét S 594088

Địa điểm mỏ	:	Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh.
Tài liệu pháp lý	:	Quyết định số 1673/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 22/05/2002
		Quyết định số 587/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng



	Ninh ngày 27/02/2003
	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 594088
Diện tích khai thác	: 35.823,0 m ²
Mặt tiền	: 124,5 m
Mặt bên	: 232,6 m
Chiều dày trung bình của tầng sét	: 13,9 m
Tổng trữ lượng sét	: 497.939,7 m ³

B. Mỏ đất sét BA 294482

Địa điểm mỏ	: Xã Lê Lợi, huyện Hoà Bình, tỉnh Quảng Ninh.
Tài liệu pháp lý	: Quyết định số 1673/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 22/05/2002 Giấy xác nhận số 537/TNMT của UBND huyện Hoà Bình ngày 05/11/2009 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 294482
Diện tích khai thác	: 26.289,6 m ²
Vị trí địa lý	: Khu mỏ có địa hình đồi thấp chạy dài theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, chiều dày lớp đất trung bình 4,0m, đỉnh cao nhất +38,87 thoải dần về phía Tây Nam. Phía Đông Bắc giáp với tuyến đường nhựa 279 liên xã đi Hoà Bình và Thị trấn Trới. Phía Đông Nam giáp với đường đi Thị trấn Trới Vũ Oai. Phía Đông và Đông Nam là khu đồi bạch đàn. Phía Tây Bắc là khu nông nghiệp của dân cư. Bao quanh khu mỏ là các tuyến đường đất nối từ khu mỏ ra đường 279 và kho chứa nguyên liệu của Công ty. Các phía Đông, Tây, Nam đều có dân cư sinh sống. Tại khu mỏ không có sông suối chảy qua.

Hai mỏ đất sét này nằm trong tổng thể diện tích khu vực khai thác là 19,7 ha được cấp phép khai thác theo Quyết định số 1673/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 22/05/2002. Mỏ đất sét S 594088 được đưa vào khai thác từ năm 2003 căn cứ theo Quyết định số 587/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 27/02/2003. Mỏ đất sét BA 294482 hoàn tất



tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (nằm trong tổng thể diện tích 42.595,7 m² diện tích đã bồi thường, GPMB giai đoạn 2) và đưa vào khai thác từ năm 2009 căn cứ theo Giấy xác nhận số 537/TNMT của UBND huyện Hoà Bình ngày 05/11/2009.

Với các mỏ đất sét này đảm bảo nguồn cung ứng vật liệu đầu vào ổn định cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào và máy móc thiết bị đều được công ty lấy từ các nguồn cung cấp trong nước, tất cả các hợp đồng được ký kết căn cứ vào nhu cầu sản xuất thực tế, dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng thị trường cung ứng và tổ chức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh.

Danh sách một số nhà cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên nhiên liệu cho Công ty

STT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm cung cấp
1	Công ty TNHH Dương Dũng	Đất sét
2	Công ty TNHH Thái Việt Long	Đất sét
3	Công ty Cổ phần Đại Tiến	Than, than cám
4	Công ty TNHH MTV TMDV Vận tải Hiền Hòa	Than, than cám
5	Công ty Kinh doanh Than Quảng Ninh	Than, than cám
6	Công ty Cổ phần Thương Mại Việt Hưng	Cát, đá xây dựng
7	Công ty Cổ phần Thương Mại Đông Hằng	Cát, đá xây dựng
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Phương Nam - 135	Bê tông thương phẩm
9	Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	Gạch đặc
10	Công ty Vật liệu chịu lửa VIGLACERA Cầu Đuống	Gạch chịu lửa
11	Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Quang Minh	Gạch chịu lửa
12	Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Thái Nguyên	Gạch chịu lửa
13	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại Tân Phong	Dầu Diesel
14	Công ty Xăng dầu B12	Dầu Diesel
15	Công ty TNHH Vĩnh Hoàng	Dầu Diesel
16	Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh	Dầu Diesel
17	Công ty Cổ phần Sơn Tùng	Dung dịch chống thấm
18	Công ty TNHH Hóa chất Yên Viên	Hóa chất công nghiệp



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

19	Công ty Cổ phần Cơ khí Tiên Mạnh	Giàn phơi ngôi
20	Công ty TNHH Cơ khí Mạnh Tuấn	Giàn phơi ngôi
21	Công ty TNHH Thép Nam Việt	Giàn phơi ngôi
22	Công ty TNHH Hoàng Nam	Giàn phơi ngôi
23	Công ty TNHH Quang Long	Máy xúc lật
24	Công ty TNHH Lê Xuân	Xe nâng
25	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 5	Xe goòng
26	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Quang Anh	Máy ép bùn
27	Công ty Cổ phần Hữu Thịnh	Máy cán
28	Doanh nghiệp Tư nhân Châu Huy Hoàng	Máy phát điện
29	Công ty TNHH MTV Ngọc Thạch	Vật tư, PTTT
30	Công ty TNHH Bằng Hoa	Vật tư, PTTT
31	Công ty TNHH Hợp Phát	Vật tư, PTTT
32	Công ty TNHH In và Bao bì Bảo Tiến	Vỏ hộp
33	Công ty Cổ phần GRANITE Thạch Bích - TBC	Vỏ hộp
34	Công ty TNHH An Thịnh	Vỏ hộp
35	Công ty TNHH Hồng Kỳ	Vỏ hộp
36	Công ty Bảo Minh Đông Đô	Bảo hiểm Máy móc
37	Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	Bảo hiểm Máy móc
38	Công ty TNHH MTV Thành Quý	Vận chuyển xi măng

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long).



4.5.4 Cơ cấu chi phí:

Tỷ trọng các chi phí của Công ty qua từng thời kỳ

Bảng 6

Đơn vị: VNĐ

STT	Yếu tố	Năm 2009		01/01/2010 - 12/05/2010		13/05/2010 - 31/12/2010		01/01/2011 - 30/09/2011	
		Giá trị	Tỷ trọng so với TDT (%)	Giá trị	Tỷ trọng so với TDT (%)	Giá trị	Tỷ trọng so với TDT (%)	Giá trị	Tỷ trọng so với TDT (%)
1	Giá vốn bán hàng	13.011.080.387	68,14%	7.479.022.512	18,21%	8.787.895.893	65,19%	15.006.081.506	65,46%
2	Chi phí bán hàng	1.794.337.068	9,40%	632.352.315	1,54%	932.490.493	6,92%	965.395.309	4,21%
3	Chi phí QLDN	2.018.272.046	10,57%	658.669.411	1,60%	1.299.904.891	9,64%	1.729.321.778	7,54%
4	Chi phí tài chính	658.916.974	3,45%	667.908.021	1,63%	749.216.261	5,56%	3.688.833.432	16,09%
5	Chi phí khác	788.995.890	4,13%	6.046.966.320	14,72%	612.410.498	4,54%	280.380.132	1,22%
Tổng cộng		18.271.602.365	95,69%	15.484.918.579	37,70%	12.381.918.036	91,86%	21.670.012.157	94,52%

(Nguồn: BCTCKT năm 2009, BCTCKT giai đoạn 1/1/2010-12/5/2010 của Công ty TNHH Hưng Long –Quảng Ninh, BCTCKT giai đoạn 13/5/2010-31/12/2010, BCTC 9 tháng đầu năm 2011 của CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.)

* Chính sách quản lý chi phí:

Trong năm 2008, dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng lớn cả về chiều rộng lẫn chiều sâu: GDP năm 2008 giảm xuống còn 6,23% từ mức 8,48% của năm 2007, chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng cao và diễn biến phức tạp, đạt mức 22,97% trong năm 2008... Những diễn biến bất lợi từ kinh tế vĩ mô đã có tác động tiêu cực tới tình hình kinh doanh của công ty trong giai đoạn này, chi phí sản xuất đầu vào như nguyên nhiên vật liệu, chi phí quản lý, chi phí máy móc thiết bị liên tục tăng, trong khi doanh số bán hàng bị suy giảm, điều này đã khiến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tính đến thời điểm 01/01/2009 bị lỗ lũy kế lên đến – 1.111.965.194 VNĐ.

Bước sang năm 2009 và 2010, khi các chính sách vĩ mô của chính phủ nhằm hạn chế các bất lợi từ cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu bắt đầu phát huy tác dụng, cộng với các biện pháp thắt chặt quản lý chi phí và tăng cường công tác bán hàng của Công ty, tình



hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã từng bước được cải thiện, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 01/01/2010 đã giảm xuống còn – 371.840.373 VNĐ và tính đến thời điểm 12/05/2010 Công ty đã không còn lỗ lũy kế. Tính đến ngày 30/9/2011, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty là 2.376.056.547 đồng.

Hiện tại, Công ty đang tiếp tục tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, thi công để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng quán triệt tinh thần tiết kiệm trong lao động sản xuất tới từng cán bộ công nhân viên nhằm mục đích giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong lao động sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.5.5 Trình độ công nghệ

*** Đặc điểm tổ chức sản xuất**

Công ty có mặt bằng tương đối rộng phục vụ cho quy trình sản xuất khép kín, liên tục. Để phù hợp với điều kiện sản xuất, tận dụng tối đa nhân công, nâng cao năng suất lao động, Công ty đã chia thành nhiều tổ phục vụ quá trình sản xuất như sau:

- Tổ than: Có nhiệm vụ cung cấp than đầy đủ, liên tục cho quá trình sản xuất, thực hiện việc nghiền mịn than sau đó đưa qua máy cấp than dẫn vào máy cấp liệu thùng, tại đó máy trộn đều đất và than với nhau; ngoài ra, thực hiện việc vận chuyển than lên lò để phục vụ cho việc đốt lò.
- Tổ chế biến tạo hình: Đất ở cấp liệu thùng được đưa qua băng tải chuyển đến máy nhào 2 trục, rồi chuyển sang máy đùn ép tạo thành gạch mộc. Tổ tạo hình có nhiệm vụ cắt gạch mộc mang ra nhà kính phơi.
- Tổ phơi: Có nhiệm vụ phơi đảo gạch tại nhà kính, đảm bảo cho gạch phơi khô đáp ứng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Tổ vận chuyển: Có nhiệm vụ vận chuyển bán thành phẩm từ nhà kính phơi gạch vào khu lò nung.
- Tổ xếp goòng: Có nhiệm vụ xếp gạch khô lên các xe goòng chứa gạch cạnh lò nung.
- Tổ đốt gạch: Có nhiệm vụ đưa các goòng chứa gạch vào hầm sấy và lò nung. Tra than dẫn lửa và nâng nhiệt độ theo đường cong nung quy định, đảm bảo cho hầm sấy và lò nung tuynel hoạt động liên tục, gạch đạt chất lượng cao theo đúng tiêu chuẩn.
- Tổ ra lò: Khi gạch được đốt chín thành sản phẩm, tổ có nhiệm vụ vận chuyển ra kho chứa sản phẩm và phân loại gạch theo từng phẩm cấp: A1, A2, A3.
- Tổ xây dựng cơ bản: Làm nhiệm vụ sửa chữa nhà xưởng, nhà kính phơi gạch, bảo dưỡng xe goòng nung gạch...

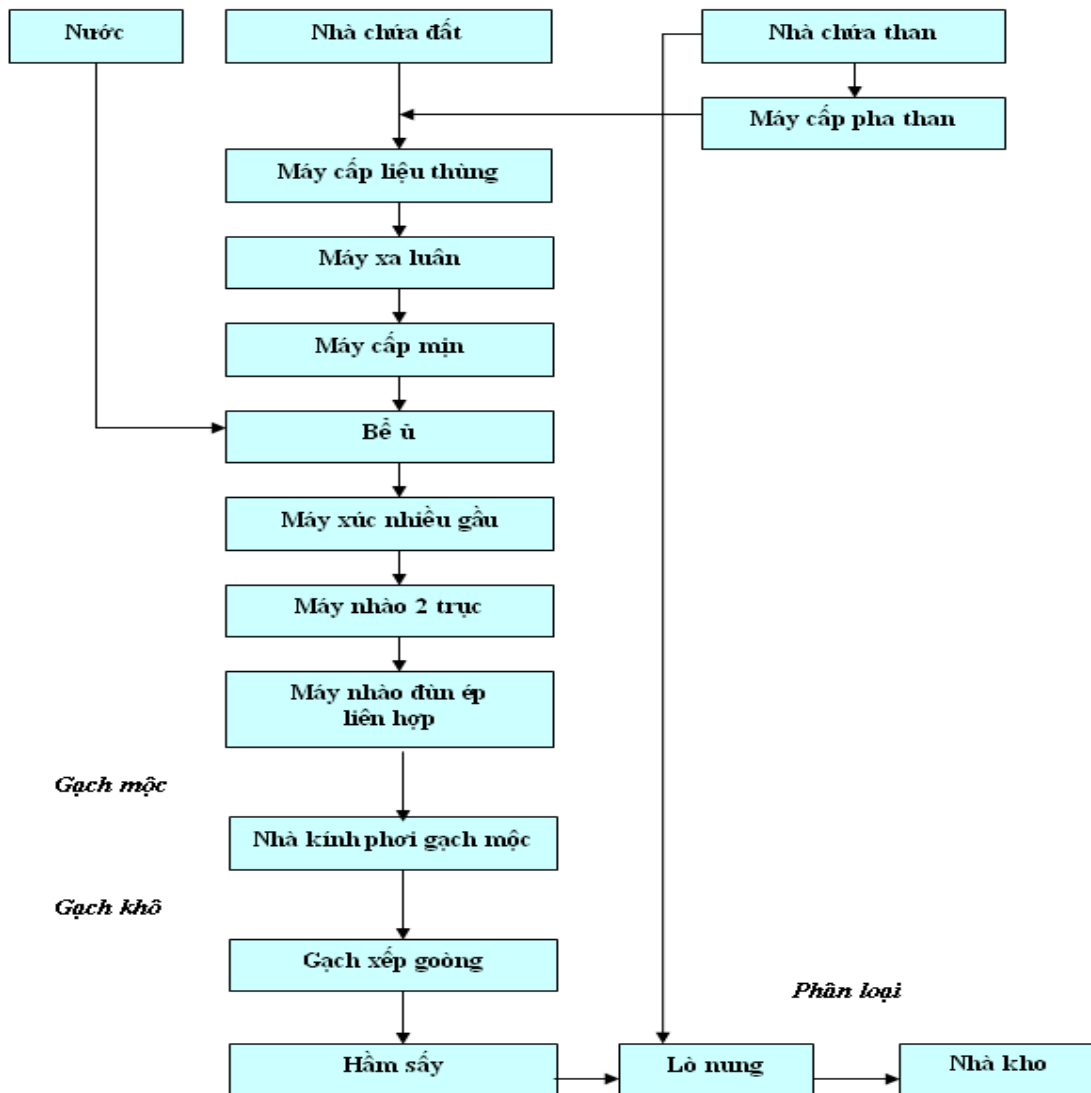


- Tổ vận hành máy: Làm nhiệm vụ vận hành máy, sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Tổ bốc xếp: Làm nhiệm vụ đóng gói, bốc sản phẩm lên phương tiện vận chuyển cho khách mua hàng.
- Tổ kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS): Có trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đúng như quy chuẩn.

*** Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất**

Với dây chuyền công nghệ sản xuất gạch của Italia, Công ty tổ chức sản xuất theo kiểu hàng loạt, chu kỳ ngắn và xen kẽ.

Sơ đồ quy trình sản xuất





Quy trình sản xuất gạch của Công ty được chia làm 2 khâu chính, khâu chế biến tạo hình và khâu nung:

- Khâu chế biến tạo hình: Đất mua về nhập tại kho để phong hóa từ 2 đến 3 tháng, nếu dự trữ được càng lâu càng tốt. Tưới nước ngâm ủ và dùng máy ủi trần, bóc từng lớp mỏng đưa vào máy cấp liệu cùng với than đã được nghiền mịn theo tỷ lệ quy định. Hỗn hợp này theo quy trình công nghệ qua các máy gồm máy xa luân, máy cán, máy xúc, máy nhào 2 trục, máy đùn ép liên hợp và bàn cắt tự động tạo thành gạch mộc. Công nhân vận chuyển gạch mộc ra phơi trong nhà kính, thời gian phơi trung bình khoảng 3 ngày vào mùa hè và từ 5 đến 6 ngày vào mùa đông. Gạch được phơi đảo theo đúng tiêu chuẩn quy định, đạt độ ẩm 10-15% rồi được tiếp tục xếp lên các xe goòng. Trong khâu này gạch không đạt tiêu chuẩn sẽ bị loại ra và đưa trở lại bãi nguyên vật liệu ban đầu.
- Khâu nung: Công nhân sử dụng xe phà, bằng tời kéo xe goòng chứa gạch mộc và dùng kích thủy lực đưa goòng vào hầm sấy tuynel, qua lò nung tuynel, tra than dẫn lửa và nung đốt. Quá trình này được diễn ra liên tục, cứ một xe goòng thành phẩm ra khỏi lò nung thì xe goòng chứa gạch mộc khác lại tiếp tục đưa vào hầm sấy. Khi gạch chín ra lò, công nhân vận chuyển gạch ra bãi thành phẩm, phân thành các thứ hạng phẩm cấp khác nhau, xếp thành các kiểu gạch. Cuối cùng thủ kho cùng cùng KCS và ban nghiệm thu sản phẩm làm các thủ tục kiểm tra và nhập kho.

Máy móc thiết bị chủ yếu của Công ty

Bảng 7

STT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sản xuất, sử dụng	Đơn vị	Số lượng
I	Dây chuyền, hệ thống				
1	Dây chuyền sản xuất gạch xuất xứ Nhật Bản	Nhật	2007	Dây chuyền	1
2	Hệ thống béc đốt tự động	Ý	2009	Hệ thống	1
3	Trạm đốt than khi hóa	Trung Quốc	2007	Hệ thống	1
4	Thiết bị lò nung, sấy	Việt Nam	2003	Hệ thống	1
5	Máy móc thiết bị chế biến tạo hình	Việt Nam	2003	Hệ thống	1
6	Tủ điện điều khiển CBTH	Việt Nam	2003	Hệ thống	1
7	Ray hồi lưu xe phà	Việt Nam	2003	Hệ thống	1
8	Đường điện hạ thế	Việt Nam	2003	Hệ thống	1



9	Giàn phơi ngói cố định	Việt Nam	2008	Hệ thống	1
10	Giàn phơi ngói di động	Việt Nam	2009	Hệ thống	1
11	Kệ xếp gạch rỗng	Việt Nam	2009	Hệ thống	1
II	Máy móc thiết bị				
1	Máy cán HT 3.4.11.8 9 (Tinh0	Việt Nam	2008	Cái	1
2	Máy miết đất sét	Nga	2007	Cái	1
3	Máy tiện cán	Việt Nam	2008	Cái	1
4	Máy cắt gạch	Việt Nam	2008	Cái	1
5	Máy hút chân không	Việt Nam	2008	Cái	1
6	Máy ép lọc	Trung Quốc	2008	Cái	1
7	Máy nghiền bi công suất 8 tấn	Trung Quốc	2008	Cái	1
8	Máy nghiền bi công suất 0.6 tấn	Trung Quốc	2008	Cái	1
9	Máy đập ngói sản phẩm mỏng	Trung Quốc	2008	Cái	2
10	Máy đập ngói thủy lực 30 tấn	Trung Quốc	2008	Cái	1
11	Máy cắt gạch dùng điện	Trung Quốc	2008	Cái	1
12	Máy đùn 502 - SCTTK	Việt Nam	2009	Cái	1
13	Máy ép bùn	Trung Quốc	2009	Cái	1
14	Kích thủy lực	Việt Nam	2009	Cái	1
15	Máy nén khí CS=7.5KW	Đài Loan	2009	Cái	1
16	Máy nén khí CS=11KW	Đài Loan	2009	Cái	1
17	Máy tách nem	Việt Nam	2008	Cái	1
18	Máy nghiền than	Việt Nam	2008	Cái	2
19	Máy nghiền sa mốt	Việt Nam	2008	Cái	1
20	Máy ép ngói 5 mặt	Việt Nam	2008	Cái	2
21	Máy đùn ngói đồng bộ	Nhật	2008	Bộ	1
III	Phương tiện vận tải				1
1	Máy ủi Komatsu	Nhật	2003	Chiếc	1
2	Máy xúc lật	Nhật	2007	Chiếc	2
4	Xe nâng khung	Nhật	2007	Chiếc	1



5	Xe nâng khung	Nhật	2008	Chiếc	1
6	Xe nâng khung	Nhật	2009	Chiếc	1

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long).

4.5.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Trên cơ sở điều tra khảo sát thị trường và tìm hiểu nhu cầu khách hàng, Công ty đã nghiên cứu tìm hiểu các nhu cầu mới của khách hàng, tìm hiểu và phát triển sản phẩm mới, áp dụng cải tiến kỹ thuật mới tiên tiến trong và ngoài nước. Tìm kiếm các nhu cầu khác nhau của từng khách hàng để có cách thức triển khai mới phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

4.5.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Công ty đã thành lập Tổ kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS), đây là bộ phận chịu trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đúng như quy chuẩn, ngoài ra, thực hiện chức năng giám sát việc thực thi chính sách chất lượng tại các đơn vị, bộ phận liên quan.

KCS kiểm tra lấy mẫu ngẫu nhiên để đưa vào đo lường các thông số kỹ thuật, các tiêu chuẩn kỹ thuật được kiểm tra dựa trên tiêu chuẩn quy định riêng của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam. Các thông số kiểm tra được lưu trữ hồ sơ bằng văn bản và nhật ký sản xuất theo mỗi đợt bán thành phẩm và đợt sản phẩm xuất xưởng.

Việc kiểm tra trong từng công đoạn được hiện cụ thể như sau:

- Kiểm tra độ ẩm tất cả các nguyên liệu sử dụng hàng ngày, từ đó lập cơ sở dữ liệu phục vụ cho khâu pha trộn nguyên liệu.
- Kiểm tra thông số kỹ thuật của hỗn hợp đất và than sau mỗi mẻ trộn để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đầu vào và có sự điều chỉnh kịp thời.
- Kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật của gạch mộc trước, trong và sau khi phơi tại nhà kính.
- Kiểm tra độ ẩm và các chỉ tiêu kỹ thuật của gạch khô trước khi xếp lên xe goòng và đưa và hầm sấy.
- Kiểm tra, đo lường, phân loại sản phẩm đầu ra, đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đúng theo quy chuẩn.

4.5.8 Hoạt động Marketing

Với phương châm “An toàn – Chất lượng – Hiệu quả”, trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có thương hiệu không chỉ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh mà còn trên địa bàn các tỉnh phía bắc cũng như cả nước.

Chiến lược hoạt động Marketing của Công ty được triển khai đồng bộ từ Sản phẩm (Product), Giá cả (Price), Phân phối (Place) đến Xúc tiến bán hàng (Promotion). Cụ thể:



*** Sản phẩm**

Thực hiện chính sách chất lượng sản phẩm nhất quán, ngay từ khâu nhập nguyên nhiên liệu đầu vào tới khâu xuất xưởng sản phẩm cho khách hàng. Các sản phẩm xuất xưởng của Công ty được kiểm nghiệm chất lượng về kích thước, độ hút nước, độ bền theo các tiêu chuẩn đo lường do Công ty đề ra phù hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty thực hiện chính sách đa dạng hóa sản phẩm nhằm từng bước đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

*** Giá cả**

Công ty áp dụng chính sách một giá bán hàng theo khung giá quy định chung cho tất cả các nhà phân phối và đơn vị bán hàng. Trước khi sửa đổi, khung giá được báo trước cho các nhà phân phối và các cửa hàng trong vùng đó. Công ty tính chiết khấu phí vận chuyển theo vùng cho các nhà phân phối của mình.

*** Phân phối**

Công ty phát triển mạng lưới phân phối thông qua các đơn vị và đại lý bán hàng, các đơn vị này sẽ cung cấp hàng cho các cửa hàng trong vùng và từ đó cung cấp sản phẩm đến người tiêu dùng cuối cùng.

Đối với các công trình xây dựng lớn, tùy theo từng công trình Công ty có thể thực hiện đấu thầu trực tiếp và phân phối sản phẩm tới công trường.

*** Xúc tiến bán hàng**

Hoạt động xúc tiến bán hàng được Công ty thực hiện qua các hình thức cho ra đời các mẫu mã sản phẩm mới, trưng bày hiệu, giới thiệu qua brochure, catalogue cho khách hàng.

Đối với các cửa hàng bán hàng, Công ty luôn chú trọng hỗ trợ nhiều mặt như đầu tư kệ hàng, hàng mẫu, bảng hiệu...

Đối với những khu vực thị trường trọng điểm, Công ty luôn có nhân viên tiếp thị tại các nhà phân phối để theo sát tình hình và hỗ trợ tiêu thụ.

4.5.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhân hiệu của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long:





CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục đăng ký bản quyền nhãn hiệu thương mại.

4.5.10 Một số hợp đồng đã và đang thực hiện.

Danh sách một số hợp đồng đã và đang thực hiện

Bảng 8

STT	Ngày ký	Đối tác	Nội dung	Trị giá (VNĐ)	% Hoàn thành đến 30/09/2011
Hợp đồng đã thực hiện					
1	1/1/2011	Xí nghiệp xăng dầu Quảng Ninh	Cung cầu dầu diesel, xăng, mỡ	400.000.000	100%
2	25/2/2011	Công ty TNHH T&DV Hiền Hòa	Than Cục	500.000.000	100%
3	28/02/2011	Công ty TNHH DVDL Việt An	Máy xúc, máy ủi	300.000.000	100%
4	11/3/2011	Công ty CP SX & TM Hòa Phát	Cung cấp sắt thép	400.000.000	100%
5	8/03/2011	Công ty TNHH Máy công cụ Quang Hưng	Cung cấp máy tiện, máy phay	500.000.000	100%
6	08/03/2011	Công ty TNHH Sản xuất & TM Quyết Hợp	Cung cấp sắt thép	500.000.000	100%
7	24/03/2011	Công ty Sông Hồng	Dầu diesel	450.000.000	100%
8	18/01/2011	Phạm Thị Bích Hằng	Mua gạch, ngói	300.000.000	100%
9	21/02/2011	Công ty CP ĐTPPT Nhà Hà nội số 36	Mua gạch, ngói	1.000.000.000	100%
10	01/07/2011	Công ty TNHH Đầu tư & TM Bích Hằng Chiến	Mua gạch, ngói	1.200.000.000	100%
11	10/07/2011	Công ty TNHH Hải An	Mua gạch, ngói	300.000.000	100%
12	20/07/2011	Công ty CP KD Tổng Hợp Tuyên Hiền	Mua gạch, ngói	400.000.000	100%
Hợp đồng đang thực hiện					



13	01/07/2011	Công ty TNHH Tuấn Minh	Cung cấp than	600.000.000	70%
14	01/07/2011	Công ty TNHH Cao su Thăng Hoàng	Xăm lốp xe nâng, máy xúc lật	500.000.000	70%
15	01/07/2011	Công ty KD Than Quảng Ninh	Cung cấp than	2.000.000.000	60%
16	01/07/2011	Phạm Ngọc Phong	Mua gạch, ngói	2.000.000.000	80%
17	03/10/2011	Công ty TNHH Một thành viên Thăng Long	Mua gạch, ngói	1.500.000.000	30%
18	05/10/2011	Công ty CPTM – VLXD Hạ Long – Hoàn Bò	Mua gạch, ngói	1.300.000.000	30%
19	06/10/2011	Công ty CP TM & XD Hưng Hải	Mua gạch, ngói	1.600.000.000	30%
20	10/10/2011	Công ty TNHH Thịnh Phát	Mua gạch, ngói	1.200.000.000	20%
21	11/10/2011	Công ty TNHH Nhật Việt Trung	Mua gạch, ngói	1.600.000.000	25%
22	18/10/2011	DNTN Xí nghiệp XD & KD tổng hợp Phương Cừ	Mua gạch, ngói	800.000.000	10%
23	19/10/2011	Công ty CP TM Vận tải XNK Phú Minh	Mua gạch, ngói	1.000.000.000	10%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long)

Trên đây là một số hợp đồng tiêu biểu Công ty đã và đang thực hiện trong 10 tháng đầu năm 2011, có giá trị lớn từ 300 triệu đồng trở lên, ngoài ra công ty còn thực hiện các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn. Trong 9 tháng đầu năm 2011, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đã đạt 22.263.769.203 VNĐ. Do đặc thù mùa vụ, số lượng hợp đồng ký kết tập trung vào những tháng cuối năm, cụ thể trong tháng 10/2011, Công ty đã ký được thêm nhiều hợp đồng với tổng giá trị đạt 9 tỷ đồng, và tiếp tục ký các hợp đồng khác trong tháng 11 và tháng 12 năm 2011. Công ty đang phấn đấu đẩy mạnh hoạt động kinh doanh với các khách hàng lâu năm và khách hàng mới để đạt được kế hoạch đặt ra trong năm 2011.

4.6 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

4.6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh qua các thời kỳ

Bảng 9

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	01/01/2010 - 12/05/2010	13/05/2010 - 31/12/2010	01/01/2011 - 30/09/2011
-----	----------	----------	-------------------------	-------------------------	-------------------------



1	Tổng giá trị tài sản	67.339.732.926	94.101.043.421	102.225.982.639	107.208.625.903
2	Doanh thu bán hàng	18.228.287.897	9.016.051.899	13.230.295.620	22.263.769.203
3	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.217.207.510	1.537.029.387	4.442.399.727	7.257.687.697
4	Lợi nhuận khác	73.575.603	26.009.768.161	(364.903.140)	378.775.309
5	Lợi nhuận trước thuế	822.360.912	25.588.794.241	1.097.768.114	1.255.410.193
6	Lợi nhuận sau thuế	740.124.821	17.621.812.834	996.214.912	1.129.869.174
7	Trả cổ tức	-	-	17.000.000.000(**)	-

(Nguồn: BCTCKT năm 2009, BCTCKT giai đoạn 1/1/2010-12/5/2010 của Công ty TNHH Hưng Long –Quảng Ninh, BCTCKT giai đoạn 13/5/2010-31/12/2010, BCTC 9 tháng đầu năm 2011 của CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.)

(**) Nguồn trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm ngày 12/05/2010 (giai đoạn công ty TNHH) chuyển sang, trong đó chủ yếu là khoản thu nhập từ chênh lệch do đánh giá lại giá trị 02 mỏ sét khi Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH sang công ty cổ phần.

Trong giai đoạn từ 01/01/2010 đến 12/05/2010, do đặc thù mùa vụ doanh thu của Công ty tập trung vào cuối năm nên giai đoạn này doanh thu đạt thấp trong khi các chi phí cố định như khấu hao, chi phí quản lý phân xưởng, chi phí lãi vay, chi phí quản lý doanh nghiệp cao dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị âm. Cũng trong giai đoạn này, Công ty thực hiện chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ TNHH sang CTCP và tiến hành định giá lại hai mỏ đất sét S 594088 và BA 294482 với tổng giá trị đạt 31.848.000.000 đồng. Đây chính là lý do chủ yếu khiến lợi nhuận khác trong giai đoạn này của công ty tăng đột biến và đạt 26.009.768.161 đồng.

Bước sang giai đoạn 13/05/2010 đến 31/12/2010, Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức CTCP và tiến hành triển khai ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả kinh doanh giai đoạn này đạt được tương đối khả quan với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 1.462.671.254 đồng và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 1.097.768.114 đồng. Lợi nhuận khác của Công ty là -364.903.140 đồng phát sinh chủ yếu từ hoạt động thanh lý tài sản.

Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2011, doanh thu bán hàng của công ty đạt 22.263.769.203 đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.129.869.174 đồng. Lợi nhuận khác tính đến thời điểm 30/9/2011 đạt 378.775.309 đồng chủ yếu từ hoạt động thanh lý máy móc thiết bị và bán phế liệu.



4.6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.

*** Những nhân tố thuận lợi**

- Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, Tỉnh sẽ phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kinh tế hướng mạnh về xuất khẩu; nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ, đặc biệt là các ngành kinh tế giữ vai trò chủ đạo của Tỉnh; phát triển các ngành công nghiệp có thế mạnh như: khai thác than, điện, vật liệu xây dựng, cơ khí mỏ, cơ khí đóng tàu, công nghiệp phục vụ du lịch... Do vậy nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, nhu cầu về vật liệu xây dựng sẽ rất lớn.
- Ban Lãnh đạo Công ty là lực lượng trẻ, năng động, nhạy bén đã cùng đội ngũ công nhân kỹ thuật tìm tòi và ứng dụng các cải tiến rất có giá trị. Đặc biệt, Công ty đang nắm giữ bí quyết công nghệ sấy nung liên hợp, chính công nghệ này đã góp phần nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh của công ty so với các đơn vị cùng ngành khác trong khu vực.
- Hệ thống máy móc thiết bị của công ty được trang bị khá đồng bộ và hiện đại của Italia. Vị trí công ty đặt gần nguồn nguyên liệu lớn, chất lượng nguồn nguyên liệu tốt và luôn luôn ổn định, điều này giúp công ty không bị động trong vấn đề thu mua nguyên liệu đất sét dùng cho sản xuất.
- Công ty có mạng lưới tiêu thụ rộng khắp, sản phẩm sản xuất ra bao nhiêu tiêu thụ hết bấy nhiêu đây là một thuận lợi rất lớn giúp công ty luôn luôn hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

*** Những nhân tố khó khăn**

- Tình hình kinh tế Việt Nam đang từng bước phục hồi trong thời gian vừa qua, tuy nhiên, áp lực lạm phát đè nặng khiến giá trị nguyên vật liệu đầu vào tăng theo một cách đáng kể, làm cho chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng lên, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Sự xuất hiện rất nhiều nhà máy sản xuất gạch Tuynel trong cùng một khu vực, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu cùng một thị trường khiến mức độ cạnh tranh giữa các đơn vị ngày càng trở nên quyết liệt, đây là áp lực lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- An toàn lao động trong hoạt động sản xuất, khi có sự cố xảy ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến con người cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.7 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

*** Vị thế của Công ty trong ngành**



Lợi thế cạnh tranh của Công ty là sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành. Lực lượng lao động của Công ty có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm. Bên cạnh đó, các thiết bị máy móc và công nghệ điều khiển nhà máy hiện đại đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và được cung cấp bởi các tập đoàn cung cấp thiết bị công nghiệp và công nghệ tự động hóa hàng đầu trên thế giới. Nhờ đó, những sự cố về máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất hầu như không xảy ra và đảm bảo chất lượng điện tốt cung cấp cho khách hàng.

*** Triển vọng phát triển của ngành**

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2010 của Chính phủ, Việt Nam được đánh giá là một trong những nước sớm vượt qua giai đoạn khó khăn và phục hồi nhanh sau khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 ước tính tăng 6,78% so với năm 2009, trong đó quý I tăng 5,84%; quý II tăng 6,44%; quý III tăng 7,18% và quý IV tăng 7,34%. Đây là mức tăng khá cao so với mức tăng 6,31% của năm 2008 và cao hơn hẳn mức 5,32% của năm 2009, vượt mục tiêu đề ra 6,5%.

Bên cạnh đó, Báo cáo dự đoán tăng trưởng kinh tế toàn cầu 40 năm tới của Willem Buiter, nhà kinh tế hàng đầu của Citigroup, đăng trên tờ Thư tín hàng ngày (Anh) mới đây cho biết 11 nước đang phát triển sẽ là những đầu tàu tăng trưởng kinh tế thế giới, gồm Việt Nam, Bangladesh, Trung Quốc, Ai Cập, Ấn Độ, Indonesia, Iraq, Mông Cổ, Nigeria, Philippines và Sri Lanka.

Cùng với sự tăng trưởng GDP hàng năm vẫn duy trì ở mức cao, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, các khu đô thị mới được xây dựng khắp cả nước, kéo theo đó là nhu cầu đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng cũng phát triển rất mạnh. Do đó triển vọng phát triển của ngành xây dựng và vật liệu xây dựng là rất lớn.

*** Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

Về định hướng: Nhìn chung chiến lược phát triển của Công ty rất phù hợp với định hướng phát triển của ngành cũng như chính sách của Nhà nước. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung ngày 24/11/2006, tỉnh Quảng Ninh coi trọng hàng đầu việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tích cực chuẩn bị tốt tiền đề để phát triển nhanh và bền vững hơn sau năm 2010, chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng như: xây dựng nhà máy gạch lát cerami, gạch tuynel, các cơ sở sản xuất đá ốp lát, ván ép... Do đó nhu cầu về nguyên vật liệu như gạch, ngói là rất lớn và ổn định.

Về công nghệ: Hiện nay Công ty đang áp dụng công nghệ lò nung Tuynel tiên tiến nhất hiện nay để sản xuất gạch, ngói rất phù hợp với định hướng phát triển của ngành đến năm 2020. Việc gia tăng tỷ trọng sản xuất gạch, ngói cao cấp so với gạch xây dựng sẽ khẳng định thương



hiệu của Công ty cũng như gia tăng lợi nhuận, do mức sống của người dân ngày càng cao, các khu đô thị, căn hộ cao cấp được xây mới liên tục trên cả nước thì nhu cầu gạch, ngói cao cấp sẽ tăng tương ứng.

4.8 Chính sách đối với người lao động

*** Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty**

Chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài.

Số lượng nhân viên Công ty tăng dần qua các năm với mức lương trung bình ngày càng được cải thiện. Năm 2010, số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 244 người.

Tình hình lao động qua các thời kỳ

Bảng 10

Đơn vị tính : Người

Yếu tố	2008	2009	2010
Tổng số lao động	202	239	244
Phân theo trình độ chuyên môn			
– Trên đại học	1	1	2
– Đại học	3	4	6
– Cao đẳng - Trung cấp	15	16	15
– Công nhân kỹ thuật	40	60	60
– Khác	143	158	161
Phân theo thời hạn lao động			
– LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ	3	4	4
– Hợp đồng dài hạn	166	187	205
– Hợp đồng ngắn hạn	33	48	35

(Nguồn : Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long)

*** Chính sách đào tạo**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động. Người lao động cũng luôn được khuyến



khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

*** Chính sách lương**

Mức lương bình quân được điều chỉnh tăng dần qua các năm, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn nói chung và điều kiện phát triển kinh doanh nói riêng của Công ty. Nếu như năm 2008, mức lương trung bình đạt 1.300.000 đồng/người/ tháng thì đến năm 2009 đã tăng lên đạt 2.150.000 đồng/người/tháng và đến năm 2010 đạt khoảng 2.600.000 đồng/người/tháng. Trong đó:

- Lương bình quân công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 2.450.000 đồng/người/tháng.
- Lương bình quân cán bộ nhân viên làm việc tại khối hành chính: 3.150.000 đồng/người/tháng

*** Chính sách thưởng**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc.

Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực



hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

4.9 Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Năm 2010, trong giai đoạn hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ 13/05/2010 đến 31/12/2010, Công ty đã phát hành 1.700.000 cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tương ứng với mức 17.000.000.000 đồng.

Trong năm 2011, theo Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Nghị quyết HĐQT ngày 28/10/2011 của Công ty điều chỉnh giảm kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, theo đó dự kiến mức trả cổ tức năm 2011 là 5%.

4.10 Tình hình hoạt động tài chính

4.10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

*** Trích khấu hao TSCĐ:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20-25 năm
- Máy móc thiết bị	10-12 năm
- Phương tiện vận tải	8-10 năm
- Thiết bị quản lý	3-8 năm



- Quyền sử dụng đất có thời hạn 49 năm
- TSCĐ vô hình khác 20 năm

*** Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm 30/09/2011, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng, các nhà cung cấp.

*** Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước.

*** Trích lập các Quỹ theo luật định:**

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Từ khi thành lập, Công ty chưa phân phối lợi nhuận tích lũy vào các quỹ. Tính đến 30/09/2011 tổng lợi nhuận giữ lại chưa phân phối là 2.376.056.547 VNĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 chưa thông qua việc trích lập các quỹ, Công ty cam kết sẽ trích lập các quỹ theo quy định sau khi có quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

*** Tổng dư nợ vay**

Bảng 11

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản vay	Năm 2009	12/5/2010	31/12/2010	30/09/2011
1	Vay và nợ ngắn hạn	6.696.177.208	7.263.701.341	6.349.581.871	14.449.550.325
2	Vay và nợ dài hạn	20.691.963.185	20.373.163.185	15.563.403.185	15.399.203.185
	Tổng cộng	27.388.140.393	27.636.864.526	21.912.985.056	29.848.753.510

(Nguồn: BCTCKT năm 2009, BCTCKT giai đoạn 1/1/2010-12/5/2010 của Công ty TNHH Hưng Long –Quảng Ninh, BCTCKT giai đoạn 13/5/2010-31/12/2010, BCTC 9 tháng đầu năm 2011 của CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.)

Về vay và nợ ngắn hạn, tính đến thời điểm 30/09/2011, Công ty có các khoản vay với thời hạn 12 tháng với các Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – CN Quảng Ninh và Ngân hàng NN & PPNT Hoàn Bò - CN Quảng Ninh và các cá nhân khác, tổng giá trị các khoản vay là 17.100.000.000 VNĐ, trong đó số dư nợ gốc là 14.449.550.325 VNĐ.

Về vay và nợ dài hạn, tính đến thời điểm 30/09/2011, Công ty có 04 khoản vay với các thời hạn từ 3 đến 8 năm với các Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – CN Quảng Ninh và Ngân



hàng TMCP Đông Á – CN Quảng Ninh. Tổng giá trị các khoản vay là 17.697.000.000 VNĐ, trong đó số dư nợ gốc là 15.399.203.185 VNĐ.

Theo Công văn số 46/TB ngày 15/06/2007, Công ty được Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản vay tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số 0210QN119/HĐTD ngày 18/10/2002 và các Phụ lục của hợp đồng này. Khoản vay được cơ cấu lại với số tiền nợ gốc là 7.350.000.000 đồng và nợ lãi là 3.436.990.900 (dự thu từ ngày vay đến ngày 15/06/2007), thời hạn trả số nợ gốc và lãi trên sau khi cơ cấu lại là từ năm 2007 đến năm 2013.

*** Hàng tồn kho**

STT	Khoản vay	Năm 2009	12/5/2010	31/12/2010	30/09/2011
1	Hàng tồn kho	13.135.016.982	12.859.887.360	15.975.474.272	15.407.460.358

(Nguồn: BCTCKT năm 2009, BCTCKT giai đoạn 1/1/2010-12/5/2010 của Công ty TNHH Hưng Long –Quảng Ninh, BCTCKT giai đoạn 13/5/2010-31/12/2010, BCTC 9 tháng đầu năm 2011 của CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.)

Tương ứng với sự tăng trưởng doanh thu bán hàng và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh qua các thời kỳ, lượng hàng tồn kho cũng tăng dần qua các năm. Nếu như năm 2009 lượng hàng tồn kho ở mức 13.135.016.982 VNĐ thì đến năm 2010 là 15.975.474.272. Bước sang năm 2011, khi các khâu sản xuất và bán hàng được đẩy mạnh hơn nữa, doanh thu và hàng tồn kho đều ở mức cao, cụ thể tính đến 30/09/2011, lượng hàng tồn kho của Công ty là 15.407.460.358 VNĐ.

*** Tình hình công nợ hiện nay**

a. Các khoản phải thu:

Bảng 12

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	12/5/2010	31/12/2010	30/09/2011
1	Phải thu của khách hàng	1.336.458.493	1.121.580.342	2.650.214.462	4.678.134.310
2	Trả trước cho người bán	2.000.031.245	2.096.592.123	4.283.475.903	7.320.915.159
3	Các khoản phải thu khác	219.057.617	373.675.870	539.865.636	655.465.668
4	Thuế GTGT được khấu trừ	471.610.965	487.285.400	-	-
Tổng cộng		4.027.158.320	4.079.133.735	7.473.556.001	12.654.515.137



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

(Nguồn: BCTCKT năm 2009, BCTCKT giai đoạn 1/1/2010-12/5/2010 của Công ty TNHH Hưng Long –Quảng Ninh, BCTCKT giai đoạn 13/5/2010-31/12/2010, BCTC 9 tháng đầu năm 2011 của CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.)

b. Các khoản phải trả:

Bảng 13

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	12/5/2010	31/12/2010	30/09/2011
1	Vay và nợ ngắn hạn	6.696.177.208	7.263.701.341	6.349.581.871	14.449.550.325
2	Phải trả cho người bán	4.365.906.848	4.420.514.911	4.268.390.277	5.033.777.790
3	Người mua trả tiền trước	5.118.961.036	5.518.574.652	5.451.581.600	1.945.753.391
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	265.557.562	8.620.546.740	8.904.942.979	8.398.856.535
5	Phải trả người lao động	328.654.544	177.825.247	211.643.165	202.939.952
6	Chi phí phải trả	2.177.964.636	2.143.878.034	1.914.103.554	1.785.454.551
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	20.352.663.330	20.619.141.900	2.152.423.685	1.478.808.677
	Tổng cộng	39.305.885.164	48.764.182.825	29.252.667.131	33.295.141.221

(Nguồn: BCTCKT năm 2009, BCTCKT giai đoạn 1/1/2010-12/5/2010 của Công ty TNHH Hưng Long –Quảng Ninh, BCTCKT giai đoạn 13/5/2010-31/12/2010, BCTC 9 tháng đầu năm 2011 của CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.)

(*): Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm khoản công ty vay cá nhân và các khoản tài sản thừa chờ xử lý, kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... Trong năm 2009 và tính đến thời điểm 12/05/2010, các khoản phải trả, phải nộp khác có giá trị lớn, lên đến trên 20 tỷ VNĐ là do trong giai đoạn đó phát sinh các khoản công ty vay cá nhân (vay không phải trả lãi vay) đối với ông Mai Anh Tám (Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc) với giá trị lớn. Cụ thể, số dư phải trả khoản vay cá nhân tính đến 31/12/2009 là 16.752.315.426 VNĐ và tính đến 12/05/2010 là 19.003.565.426. Tính đến thời điểm 31/12/2010, số dư phải trả khoản vay cá nhân bằng 0, các khoản phải trả, phải nộp khác giảm xuống chỉ còn 2.152.423.685 VNĐ. Đến thời điểm 30/09/2011, các khoản phải trả phải nộp khác tiếp tục giảm, chỉ còn 1.478.808.677 VNĐ.

4.10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14



Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,54	0,92
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,21	0,38
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,89	0,44
+ Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu	Lần	8,38	0,79
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	1,06	0,55
+ Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản: <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản	Lần	0,27	0,13
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	4,06%	7,53%
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	10,87%	1,74%
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	1,18%	0,97%
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4,11%	11,06%

(Nguồn: BCTCKT năm 2009 của Công ty TNHH Hưng Long –Quảng Ninh, BCTCKT giai đoạn 13/5/2010-31/12/2010 của CTCP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.)

4.11 Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

4.11.1 Danh sách

* Danh sách Hội đồng quản trị

Bảng 15



STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	25/03/1967	2.000.000	35,71%
2	Nguyễn Văn Kim	Thành viên HĐQT	17/03/1973	30.000	0,54%
3	Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	19/09/1981	50.000	0,89%
4	Phạm Văn Trường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	14/05/1981	10.000	0,18%
5	Nguyễn Văn Sơn	Thành viên HĐQT	18/10/1977	50.000	0,89%

*** Danh sách Ban Giám đốc**

Bảng 16

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	25/03/1967	2.000.000	35,71%
2	Phạm Văn Trường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	14/05/1981	10.000	0,18%

*** Danh sách Ban Kiểm soát**

Bảng 16

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thị Bích Thuận	Trưởng BKS	03/02/1985	5.000	0,09%
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên BKS	04/02/1985	10.000	0,18%
3	Dương Thị Huyền	Thành viên BKS	20/04/1987	5.000	0,09%

*** Kế toán trưởng**

Bảng 17

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Tuấn	Kế toán trưởng	23/09/1982	10.000	0,18%



4.11.2 Sơ yếu lý lịch

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

- a/ Ông: MAI ANH TÁM**
- Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 25 /03/1967
 - Số CMTND: 012661253 Ngày cấp: 29/12/2003 Tại: CA Hà Nội
 - Nơi sinh: Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hà Nội
 - Địa chỉ thường trú: 68 Đường Nguyễn Lương Bằng, Ph. Nam Đông, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
 - Số điện thoại liên lạc: 04.3983471
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
 - Quá trình công tác:
 - o Từ năm 1997 - 2000: Công tác tại Phòng kinh doanh, Công ty Gạch ốp lát Hà Nội.
 - o Từ năm 2000 - 2003: Phó Tổng giám đốc, Công ty Liên doanh Yên Hà
 - o Từ tháng 7/2003 - Tháng 9/2003: Phó Giám đốc Công ty Gốm xây dựng Xuân Hòa
 - o Từ tháng 9/2003 - Tháng 5/2010: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hưng Long – Quảng Ninh.
 - o Từ tháng 5/ 2010 - Nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Khoáng sản & VLXD Hưng Long.
 - o Từ tháng 7/ 2006 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á.
 - Số cổ phần nắm giữ: 2.000.000 cổ phần, trong đó
 - o Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 2.000.000 cổ phần
 - Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
 - Hành vi vi phạm Pháp luật : Không
- b/ Ông: NGUYỄN VĂN KIM**
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HUNG LONG

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/03/1973
- Số CMND: 125192600 Ngày cấp: 15/01/1997 Nơi cấp: CA Bắc Ninh
- Nơi sinh: Đào Viên - Quế Võ - Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đào Viên - Quế Võ - Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Đào Viên - Quế Võ - Bắc Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0983888776
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:
 - o Từ tháng 10/2003 – Tháng 8/2010: Nhân viên Công ty CP Viglacera Bá Hiến
 - o Từ tháng 8/2010 – Nay: Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long
 - o Từ tháng 03/2011 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần, trong đó:
 - o Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 30.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

c/ Ông: HOÀNG TRUNG KIÊN

- Chức vụ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/09/1981
- Số CMND: 013251012 Ngày cấp: 21/11/2009 Nơi cấp: Hà Nội
- Nơi sinh: Lạc Sơn- Hòa bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Giao An- Giao Thủy- Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 2- Bàng A- Hoàng Liệt- Hoàng Mai- Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

- Điện thoại liên lạc: 0912349491
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - o Từ tháng 9/2003 - Tháng 4/2007: Kế toán Tổng hợp CTCP Viglacera Bá Hiến
 - o Từ tháng 4/2007- Tháng 3/2010: Phó phòng kế toán CTCP Viglacera Bá Hiến
 - o Từ tháng 4/2010 - Nay: Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Viglacera Bá Hiến
 - o Từ tháng 03/2011 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Viglacera Bá Hiến
- Số cổ phần nắm giữ: 50.000 cổ phần, trong đó:
 - o Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 50.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 10.000 cổ phần, trong đó :
 - o Họ và tên : Nguyễn Thị Lan Anh
 - o Quan hệ : Vợ
 - o Số cổ phần nắm giữ : 10.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

d/ Ông: PHẠM VĂN TRƯỞNG

- Chức vụ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/05/1981
- Số CMND: 121434621 Ngày cấp: 27/03/2000 Nơi cấp: CA Bắc Giang
- Nơi sinh: Quán Bông - Lục Nam - Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cẩm Lý - Lục Nam - Bắc Giang.
- Địa chỉ thường trú: Cẩm Lý - Lục Nam - Bắc Giang.
- Điện thoại liên lạc: 0977.220.666
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế tạo Máy
- Quá trình công tác:
 - o Từ tháng 7/2007 – Tháng 5/2010 : Nhân viên Công ty TNHH Hưng Long – Quảng



Ninh..

- o Từ tháng 5/2010 – Nay : Phó Giám đốc CTCP Khoáng sản và VLXD Hưng Long
- o Từ tháng 03/2011 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần , trong đó:
 - o Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 10.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

e/ Ông:

NGUYỄN VĂN SƠN

- Chức vụ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/10/1977
- Số CMTND: 125276615 Ngày cấp: 29/06/2004 Nơi cấp: CA Bắc Ninh
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Đông Du, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh
- Số điện thoại liên lạc: 04.36983471
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - o Từ tháng 7/2001 - Tháng 10/2003: Công tác tại Công ty Gạch Granite Tiên Sơn
 - o Từ tháng 11/2003 - Tháng 6/2006: Trưởng phòng kinh doanh tại Công ty CP Viglacera Bá Hiến
 - o Từ tháng 7/2006 - Nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á
 - o Từ tháng 03/2011 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á.
- Số cổ phần nắm giữ: 50.000 cổ phần, trong đó:



- o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- o Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Lý lịch thành viên Ban Giám đốc

- a/ Ông: MAI ANH TÂM**
- Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
 - Lý lịch: Xem mục Lý lịch thành viên HĐQT

- b/ Ông PHẠM VĂN TRƯỞNG**
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
 - Lý lịch: Xem mục Lý lịch thành viên HĐQT

Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

- a/Bà: LÊ THỊ BÍCH THUÂN**
- Chức vụ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát
 - Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: 03/02/1985
 - Số CMND: 125217207 Ngày cấp: 02/03/2003 Nơi cấp: Tỉnh Bắc Ninh
 - Nơi sinh: Đức Long - Quê Võ - Bắc Ninh
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Đức Long - Quê Võ - Bắc Ninh.
 - Địa chỉ thường trú: Giếng Đáy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
 - Điện thoại liên lạc: 0988618557
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Quản trị kinh doanh
 - Quá trình công tác:
 - o Từ năm 2007 - Tháng 5/2010 : Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Hưng Long – Quảng Ninh
 - o Từ tháng 5/2010 - Nay : Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.
 - o Từ tháng 03/2011 – Nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không



- Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần , trong đó:
 - o Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 5.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

b/ Bà: NGUYỄN THỊ LAN ANH

- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 04/02/1985
- Số CMND: 131426943 Ngày cấp: 18/12/2006 Nơi cấp: CA Phú Thọ
- Nơi sinh: Phù Ninh, Phong Châu, Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán : Phù Ninh, Phong Châu, Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Phù Ninh, Phong Châu, Phú Thọ
- Điện thoại liên lạc: 0986986190
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - o Từ năm 2003 – 2007: Nhân viên kinh doanh Công ty CP Viglacera Bá Hiến.
 - o Từ năm 2007 – Tháng 5/2010 : Nhân viên kế toán Công ty CP Viglacera Bá Hiến.
 - o Từ Tháng 5/2010 – Nay: Nhân viên kinh doanh Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hưng Long.
 - o Từ tháng 03/2011 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần , trong đó:
 - o Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 10.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 50.000 cổ phần
 - o Họ và tên : Hoàng Trung Kiên
 - o Quan hệ : Chồng
 - o Số cổ phần nắm giữ : 50.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không



- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

c/ Bà: DƯƠNG THỊ HUYỀN

- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/04/1987
- Số CMND: 112160557 Ngày cấp: 04/09/2009 Nơi cấp: CA. Hà Nội
- Nơi sinh: Cụm 1, Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cụm 1, Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Cụm 1, Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0986926899
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - o Từ năm 2007 - Tháng 5/2010: Nhân viên Hành chính Công ty TNHH Hung Long – Quảng Ninh.
 - o Từ tháng 5/2010 - Nay : Nhân viên Hành chính Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long.
 - o Từ tháng 03/2011 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần , trong đó:
 - o Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 5.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Lý lịch Kế toán trưởng

- a/ Ông :** **NGUYỄN TUÂN**
- Chức vụ tại Công ty: Kế toán trưởng
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 23/08/1982



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HUNG LONG

- Số CMND: 135089651 Ngày cấp: 20/02/2000 Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc
- Nơi sinh: Chu Phan, Mê Linh, Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Chu Phan, Mê Linh, Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú: Trung Nhị, Phúc Yên, Vĩnh Phúc
- Điện thoại liên lạc: 0989322640
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng kế toán
- Quá trình công tác:
 - o Từ năm 2008 – Tháng 5/2010: Nhân viên kế toán Công ty CP Viglacera Bá Hiến
 - o Từ Tháng 5/2010 – Nay : Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần , trong đó:
 - o Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 10.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không



4.12 Tài sản

* Danh mục một số TSCĐ hữu hình của Công ty

STT	DANH MỤC TÀI SẢN	31/12/2010			30/09/2011		
		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	% Giá trị còn lại	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	% Giá trị còn lại
1	Nhà cửa vật kiến trúc	11.215.875.122	7.897.123.041	70,41%	11.215.875.122	7.410.870.792	66,07%
2	Máy móc, thiết bị	37.646.047.925	30.989.737.152	82,32%	37.696.504.115	29.232.435.870	77,55%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	902.427.679	616.463.079	68,31%	902.427.679	496.421.863	55,01%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	69.093.898	26.170.806	37,88%	69.093.898	17.032.517	24,65%
TỔNG TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH		49.833.444.624	39.529.494.078	79,32%	49.883.900.814	37.156.761.042	74,49%

(Nguồn: BCTCKT năm 2010 và BCTC 9 tháng đầu năm 2011 của CTCP Khoáng sản và VLXD Hưng Long)

* Danh mục một số TSCĐ vô hình của Công ty

STT	DANH MỤC TÀI SẢN	31/12/2010			30/09/2011		
		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	% Giá trị còn lại	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	% Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất	1.344.945.021	1.013.931.136	75,39%	1.344.945.021	1.006.144.990	74,81%
2	Bản quyền, bằng sáng chế	297.758.810	216.966.648	73,01%	297.758.810	207.946.369	69,84%
TỔNG CỘNG		1.642.703.831	1.230.897.784	74,93%	1.642.703.831	1.214.091.358	73,91%

(Nguồn: BCTCKT năm 2010 và BCTC 9 tháng đầu năm 2011 của CTCP Khoáng sản và VLXD Hưng Long)

Theo Quyết định số 587/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 27/02/2003, Công ty TNHH Hưng Long – Quảng Ninh, nay là Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích sử dụng lên đến 90.399 m² tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, trong đó diện tích xây dựng nhà máy gạch là 54.576 m² và diện tích đất khai thác sét là 35.823m².



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HUNG LONG

Theo Quyết định số 1673/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 22/05/2002, Công ty TNHH Hung Long – Quảng Ninh, nay là Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long, đã được cho phép khai thác sét tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ để sản xuất gạch xây dựng, tổng diện tích khu vực khai thác là 19,7 ha.

Theo Giấy xác nhận số 537/TNMT của UBND huyện Hoành Bồ ngày 05/11/2009, trong tổng số diện tích 19,7 ha được UBND tỉnh Quảng Ninh cho phép khai thác sét sản xuất gạch xây dựng, Công ty đã hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 là 35.823,1 m² và hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn 2 là 42.595,7 m².

Một số diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

A. Nhà máy gạch Tuynel

Địa điểm	:	Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh.
Tài liệu pháp lý	:	Quyết định số 587/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 27/02/2003 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 760/QSDĐ
Diện tích sử dụng	:	54.576 m ²

B. Mỏ đất sét S 594088

Địa điểm mỏ	:	Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh.
Tài liệu pháp lý	:	Quyết định số 1673/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 22/05/2002 Quyết định số 587/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 27/02/2003 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 594088
Diện tích khai thác	:	35.823,0 m ²

C. Mỏ đất sét BA 294482

Địa điểm mỏ	:	Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh.
Tài liệu pháp lý	:	Quyết định số 1673/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 22/05/2002 Giấy xác nhận số 537/TNMT của UBND huyện Hoành Bồ ngày 05/11/2009 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 294482
Diện tích khai thác	:	26.289,6 m ²



4.13 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm tiếp theo từ năm 2011 đến năm 2013

Ngày 10/03/2011, Đại hội đồng Công ty đã tiến hành họp thường niên năm 2011 và đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 đến năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Tính đến hết 9 tháng đầu năm 2011, doanh thu của Công ty đạt được 22,26 tỷ đồng, đạt 55,66% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 1,12 tỷ đồng, đạt 28,2% kế hoạch, do đó Hội đồng quản trị Công ty đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 là khó khăn nên có Nghị quyết HĐQT số 12/2011/NQ-HĐQT ngày 28/10/2011 điều chỉnh giảm kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2011-2013 phù hợp với thực tế, cụ thể như sau:

Kế hoạch cũ đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua:

TT	Chỉ tiêu	2011	2012	2013
1	Vốn điều lệ thực góp	56 tỷ đồng	95 tỷ đồng	95 tỷ đồng
2	Doanh thu	60 tỷ đồng	100 tỷ đồng	110 tỷ đồng
3	Lợi nhuận sau thuế	12 tỷ đồng	25 tỷ đồng	27,5 tỷ đồng
4	Cổ tức	20%	20%	20%

Kế hoạch điều chỉnh của Hội đồng quản trị:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng (giảm) so với năm 2010 (*)	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng (giảm) so với năm 2011	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng (giảm) so với năm 2012
1	Vốn điều lệ	56.000	0%	95.000	69,6%	95.000	0%
2	Doanh thu thuần	40.000	80%	70.000	75%	90.000	29%
3	Lợi nhuận sau thuế	4.000	254%	10.500	163%	18.000	71%
4	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	10%	-	15%	-	20%	-
5	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	7,14%	-	11,05%	-	18,95%	-
6	Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá)	5%	-	10%	-	15%	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long)

(*) Số liệu so sánh năm 2010 là của giai đoạn từ ngày 13/5/2010-31/12/2010



Trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2011, do đặc thù mùa vụ, doanh thu Công ty là 22.263.769.203 VNĐ, đạt 55,66% kế hoạch năm 2011, lợi nhuận sau thuế là 1.129.869.174 đồng đạt 28,2% kế hoạch năm 2011. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ tập trung vào giai đoạn mùa xây dựng là quý 4 của năm. Danh sách các hợp đồng lớn của Công ty được thể hiện chi tiết tại Mục V.5.10 trang 34 của Bản cáo bạch.

Do diễn biến thị trường chứng khoán năm 2010 gặp nhiều khó khăn và chưa tìm được đối tác chiến lược phù hợp cho nên Công ty chưa thực hiện việc phát hành 39 tỷ đồng cổ phiếu cho đối tác chiến lược. Với diễn biến tình hình chứng khoán từ đầu năm 2011 đến nay sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn cho nên trong năm 2011 công ty sẽ tập trung vào các hoạt động sản xuất kinh doanh hiện có, nâng cao hiệu suất lao động, giảm thiểu chi phí và chưa thực hiện tăng vốn điều lệ... Do vậy, kế hoạch tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ 56 tỷ lên 95 tỷ đồng sẽ được chuyển sang thực hiện trong năm 2012 khi tình hình kinh tế xã hội và tình hình thị trường vốn gặp điều kiện thuận lợi hơn.

4.13.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Về sản phẩm và chất lượng, Công ty liên tục thực hiện quá trình cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời Công ty chỉ đạo tập trung sản xuất các sản phẩm có giá trị cao với nhu cầu tiêu thụ lớn và tiêu hao ít nhiên liệu như: ngói lợp 22v/m², ngói hài, ngói nóc, gạch thẻ, gạch lá dừa ...

Về nghiên cứu phát triển và đầu tư mở rộng sản xuất, Công ty còn đi sâu vào nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, đồng thời cải tiến lò đốt, áp dụng công nghệ lò đốt mới nhằm nâng cao công suất và chất lượng sản phẩm, hạn chế tối đa tỷ lệ sản phẩm hỏng, tiết kiệm nguyên nhiên liệu đầu vào.

- Tháng 01/2011, Công ty đã đầu tư nối dài lò nung để nâng công suất, việc nối dài lò nung sẽ tăng sản lượng khoảng 5 triệu viên/năm. Ngoài ra, Công ty đang tiến hành đầu tư xây thêm một lò nung với công suất 30 triệu viên năm, góp phần nâng tổng sản lượng lên trên 50 triệu viên/năm.
- Công ty cũng đang tiến hành đầu tư xây dựng hầm sấy phụ, cải tiến quy trình tạo mộc khô trước khi vào lò nung. Việc đầu tư hầm sấy phụ sẽ giảm chi phí nhân công, giảm phụ thuộc vào điều kiện thời tiết trong công đoạn phơi đảo và chủ động được sản lượng gạch mộc vào lò.
- Công ty đã và đang thực hiện triển khai một số hợp đồng hợp tác trong việc chuyển giao công nghệ, xây lắp các công trình công nghiệp... với mục tiêu vừa tạo doanh thu, lợi nhuận cho Công ty, vừa nâng cao tay nghề và học hỏi kinh nghiệm.

Về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Công ty đang tiếp tục tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, thi công để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, với việc được cấp phép khai thác đất sét trên tổng diện tích 19,7 ha và hiện mới chỉ khai



thác trên tổng diện tích 62.112,6 m², Công ty hoàn toàn chủ động đảm bảo nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào quan trọng nhất trong quá trình sản xuất là đất sét. Nguồn nguyên vật liệu đầu vào này do thuộc chủ quyền khai thác của công ty nên chi phí khai thác thấp và không bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố bên ngoài. Ngoài ra, đầu năm 2011 do tác động của yếu tố lạm phát, giá bán các sản phẩm gạch ngói đất sét nung đã tăng từ 20-30% so với cuối năm 2010, giá bán bình quân tại thời điểm lập kế hoạch đạt 930 đồng/sản phẩm và dự kiến còn tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Về nguồn nhân lực, Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề, Công ty luôn chủ động, sáng tạo, hợp lý hóa quy trình sản xuất, khai thác các thị trường có lợi thế để nâng cao sản lượng sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, mở rộng thị phần.

Trên cơ sở năng lực sản xuất và nhu cầu thị trường, Công ty đưa ra nhận định cơ bản khi bước vào các năm sản xuất tiếp theo, mặc dù thị trường tiêu thụ vẫn được duy trì ổn định và phát triển song những khó khăn về giá nguyên vật liệu, vật tư đầu vào tăng cao vẫn chưa có dấu hiệu giảm. Do vậy, để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, giải pháp hữu hiệu là phát huy được những lợi thế về thị trường, tiếp tục đầu tư nghiên cứu hợp lý hóa sản xuất, tận dụng và sử dụng rộng rãi các nguồn nguyên liệu giảm giá thành sản phẩm.

Theo định hướng phát triển kinh tế xã hội năm 2011 của Chính phủ, một trong bảy nhóm giải pháp quan trọng được đưa ra là đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, cụ thể như phát triển cơ sở hạ tầng, tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Ninh đã có những quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, trong đó có phát triển sản xuất vật liệu xây dựng.

Đó là những tiền đề vững chắc và củng cố niềm tin vào sự phát triển thành công của Công ty trong những năm tiếp theo.

Để đảm bảo đạt được kế hoạch đề ra, trong thời gian tới Công ty chú trọng vào các công tác sau:

- Chủ động lựa chọn nguyên vật liệu có chất lượng tốt để phục vụ sản xuất kinh doanh, sản xuất các loại sản phẩm mỏng để tiết kiệm nguyên liệu, tăng doanh thu, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác quản lý công nghệ, tăng cường kiểm tra chất lượng sản phẩm để không ngừng nâng cao uy tín trên thị trường.
- Làm tốt công tác nghiên cứu thị trường nhằm bám sát thị trường, tập trung vào những thị trường trọng điểm có sức tiêu thụ lớn, đồng thời mở rộng và phát triển thị trường ra các vùng khác có tiềm năng. Tăng cường tiếp thị sản phẩm thông qua các kênh phân



phối như hệ thống các cửa hàng, đại lý trong và ngoài tỉnh, tiếp thị trực tiếp đến các công trình.

- Thực hiện chính sách sản xuất hợp lý, đảm bảo đáp ứng kịp thời và chính xác nhu cầu của thị trường, giảm thiểu hàng tồn kho.

4.13.2 Định hướng phát triển chiến lược của Công ty

*** Tuân thủ pháp luật:**

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

*** Quản lý, công tác tổ chức:**

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng công trình.

*** Tài chính:**

- Công ty dự kiến niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong quý II năm 2011.
- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.
- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm mới.

*** Hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường đầu tư thiết bị máy móc, áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.
- Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị, quảng bá hình ảnh Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HUNG LONG

- Mở rộng thị phần mới, tăng cường quan hệ và chăm khách hàng truyền thống của Công ty. Tiếp tục làm tốt công tác thị trường, duy trì thường xuyên môi thông tin quan hệ để làm tốt công tác khách hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
- Tiếp tục hoàn thiện các chương trình tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện, máy móc thiết bị và chỉ đạo thực hiện tốt các quy trình quy phạm trong bảo quản, vận hành sản xuất, đảm bảo an toàn về phương tiện, con người và môi trường.
- Duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên...

*** Phát triển nguồn nhân lực:**

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

4.14 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết :

Không có

4.15 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Không có



PHẦN V - CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- 5.1. Loại chứng khoán: *Cổ phiếu phổ thông*
- 5.2. Mệnh giá: *10.000 đồng/cổ phiếu*
- 5.3. Tổng số chứng khoán niêm yết: *5.600.000 cổ phiếu*

5.4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

Theo quy định tại Điều 08 - Nghị định 14/NĐ-CP, HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hung Long bị hạn chế chuyển nhượng 2.170.000 cổ phiếu trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết và bị hạn chế chuyển nhượng 1.085.000 cổ phiếu trong vòng 6 tháng tiếp theo.

5.5. Giá trị sổ sách cổ phiếu

Tại thời điểm 31/12/2010

*Giá trị sổ sách của cổ phiếu (Book Value per share) được tính theo công thức:

$$\text{BV/Share} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu} - \text{Cổ phiếu quỹ}}$$
$$\text{BV/Share} = \frac{57.246.187.373}{5.600.000}$$
$$\text{BV/Share} = 10.222 \text{ đồng}$$

Tại thời điểm 30/09/2011

*Giá trị sổ sách của cổ phiếu (Book Value per share) được tính theo công thức:

$$\text{BV/Share} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu} - \text{Cổ phiếu quỹ}}$$
$$\text{BV/Share} = \frac{58.376.056.547}{5.600.000}$$
$$\text{BV/Share} = 10.424 \text{ đồng}$$



5.6. Phương pháp tính giá

5.6.1. Giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

P/B được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành vật liệu xây dựng mà Công ty xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự với Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hung Long đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty	Sàn giao dịch	SLCP đang lưu hành ngày 31/12/2010	Vốn CSH ngày 31/12/2010	Giá trị sổ sách ngày 31/12/2010	Giá cổ phiếu ngày 16/09/2011	P/B
		(1)	(2)	(3)= (2)/(1)	(4)	(5)=(4)/(3)
Công ty Cổ phần Gạch ngói Kiên Giang (KBT)	HNX	2,335,961	29.361.533.216	12.569	21.500	1,711
Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến (BHV)	HNX	972,013	20.287.504.406	20.872	11.200	0,537
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO (CTI)	HSX	15,000,000	199.237.217.939	13.282	19.000	1,431
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre (VXB)	HNX	4,049,006	58.627.111.110	14.479	8.500	0,587
Bình quân						1,067

(Nguồn: Website của HNX, HSX)



Giá cổ phiếu được tính như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị
Vốn chủ sở hữu	57.246.187.373 đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành	5.600.000 cổ phiếu
Book Value 31/12/2010	10.222 đồng
P/B tham chiếu	1,067 lần
Giá cổ phiếu theo phương pháp P/B	10.909 đồng/cổ phiếu

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2010 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Hưng Long)

5.6.2. Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E

P/E được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty xét thấy có cùng điều kiện kinh doanh tương tự với Công ty cổ phần Khoáng sản và VLXD Hưng Long đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty	Sàn giao dịch	SLCP đang lưu hành ngày 31/12/2010	EPS năm 2010	Giá cổ phiếu ngày 16/09/2011	P/E
			(1)	(2)	(2)/(1)
Công ty Cổ phần Gạch ngói Kiên Giang (KBT)	HNX	2,335,961	2.968	21.500	7,244
Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến (BHV)	HNX	972,013	2.487	11.200	4,503
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO (CTI)	HSX	15,000,000	1.936	19.000	9,814
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre (VXB)	HNX	4,049,006	2.290	8.500	3,712
Bình quân					6,318

(Nguồn: Website của HNX, HSX)



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Giá cổ phiếu được tính như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị
Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2011	4.000.000.000 đồng
Số cổ phần phổ thông lưu hành	5.600.000 cổ phần
EPS dự kiến năm 2011	714 đồng/cổ phần
P/E tham chiếu	6,318 lần
Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E	4.511 đồng/cổ phiếu

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản và VLXD Hưng Long)

5.6.3 Kết luận:

Phương pháp	P/B	P/E
Giá một cổ phiếu	10.909 đồng	4.511 đồng
Trọng số	60%	40%
Giá tham chiếu	8.349 đồng	

Trên cơ sở các phương pháp tính giá ở trên, Công ty đề xuất giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là **8.300 đồng/cp**.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, việc tính giá giao dịch dự kiến được dùng làm giá tham chiếu để tính biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở lý thuyết về tài chính, chứng khoán và cả mức độ chấp nhận của các nhà đầu tư hiện nay trên thị trường tự do. Các nhà đầu tư nên đánh giá và quyết định đưa ra một mức giá phù hợp với kỳ vọng cũng như mức độ rủi ro có thể chấp nhận được.

5.7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Việt Nam hiện hành, cụ thể theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, quy định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.



Tại thời điểm ngày 18/03/2011, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của cổ đông nước ngoài tại Công ty là 0%.

5.8. Các loại thuế có liên quan

Theo Quyết định số 1677/QĐ-UB ngày 23/05/2002 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc cấp ưu đãi đầu tư cho Công ty TNHH Hung Long, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



PHẦN VI – CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT

Phòng 2407 Nhà 34T Khu Đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính,
đường Hoàng Đạo Thúy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 04.22210082 – Fax: 04.2241008



PHẦN VII – PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy CNĐKKD
2. **Phụ lục II** : Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. **Phụ lục III** : Quy chế Quản trị Công ty phù hợp với Quy chế quản trị mẫu
4. **Phụ lục IV** : Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty.
5. **Phụ lục V** :
 - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009
 - Báo cáo tài chính kiểm toán giai đoạn 01/01/2010 đến 12/05/2010
 - Báo cáo tài chính kiểm toán giai đoạn 13/05/2010 đến 31/12/2010
 - Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2011.



Quảng Ninh, ngày 01 tháng 11 năm 2011

**CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC,
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc**

MAI ANH TÁM

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm soát

NGUYỄN TUÂN

LÊ THỊ BÍCH THUÂN